

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thủy sản và hóa chất với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

SHB, MWG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

03/07/2023

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,125.50 | +0.47 |
| VN30 | 1,123.37 | +0.02 |
| HĐTL VN30F1M | 1,117.50 | +0.02 |
| HNXIndex | 226.60 | -0.32 |
| HNX30 | 429.54 | +0.65 |
| UPCoM | 85.77 | -0.27 |
| USD/VND | 23,621 | +0.16 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.67 | +3 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.59 | +25 |
| Dầu (WTI, \$) | 70.39 | -0.35 |
| Vàng (LME, \$) | 1,912.55 | -0.35 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,125.50 (+0.47%)
KLGD (triệu CP) 502.3 (-3.4%)
GTGD (triệu US\$) 457.0 (-14.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thủy sản và hóa chất với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+0.2%), SSI (-0.4%), VHM (+1.6%).

HNXIndex 226.60 (-0.32%)
KLGD (triệu CP) 75.0 (+7.4%)
GTGD (triệu US\$) 44.0 (-3.6%)

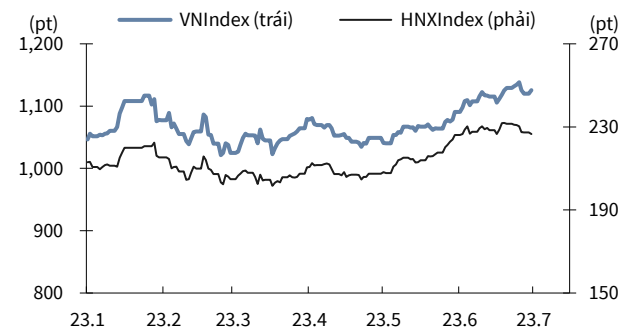
Ngày 30-6, Chính phủ ban hành Nghị định 44/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24-6-2023. Theo Nghị định này, hầu hết các loại hàng hoá, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT (VAT) 10% được giảm còn 8%, áp dụng từ 1-7 đến 31-12-2023. Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá ở DGW (+0.48%), PET (+0.73%).

UPCoM 85.77 (-0.27%)
KLGD (triệu CP) 29.2 (-50.9%)
GTGD (triệu US\$) 18.9 (-11.3%)

Từ 15h ngày 3/7, liên Bộ Tài chính - Công Thương quyết định giảm 400 đồng trên mỗi lít xăng E5 RON 92, trong khi đó xăng RON 95 giảm 590 đồng/lít. Theo đó, mức giá bán lẻ tối đa với xăng E5 RON 92 là 20,470 đồng/lít và xăng RON 95 là 21,420 đồng/lít. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở PVC (+1.66%), PVS (+2.47%).

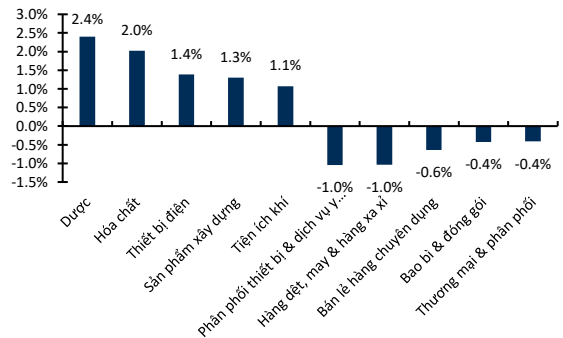
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +5.4

VNIndex & HNXIndex



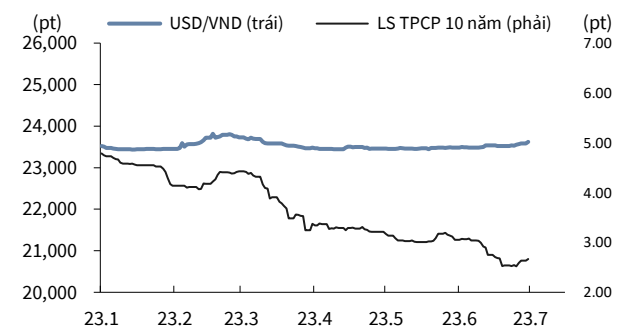
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



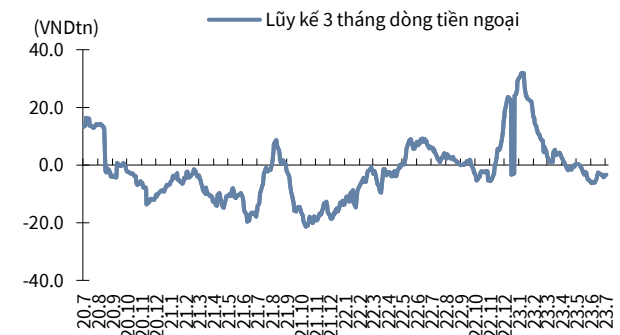
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

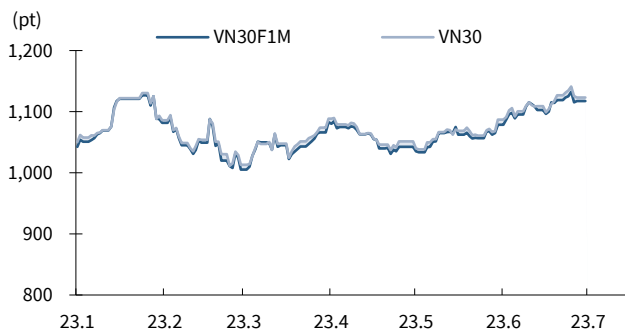
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,123.37 (+0.02%) |
| VN30F1M | 1,117.5 (+0.02%) |
| Mở cửa | 1,120.7 |
| Cao nhất | 1,122.2 |
| Thấp nhất | 1,115.8 |

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -2.53 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -5.09 điểm và đóng cửa tại -5.87 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

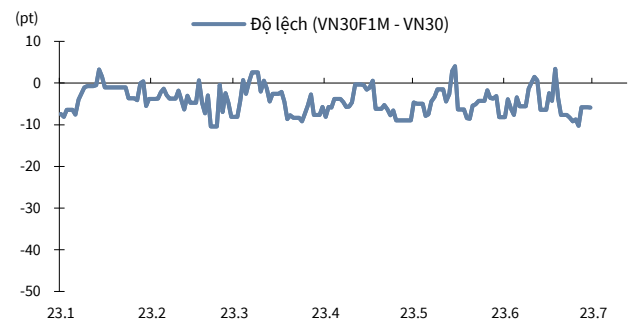
| | |
|------------------|-------------------------|
| KLGD (HĐ) | 130,804 (-14.5%) |
|------------------|-------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



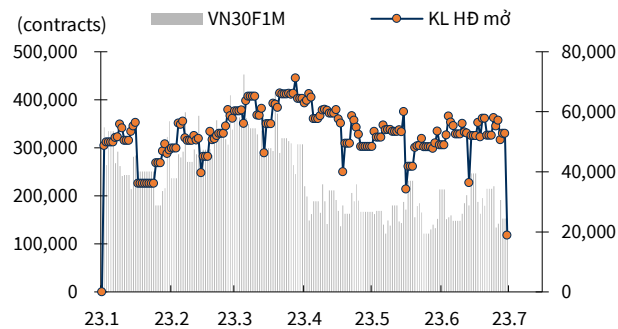
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



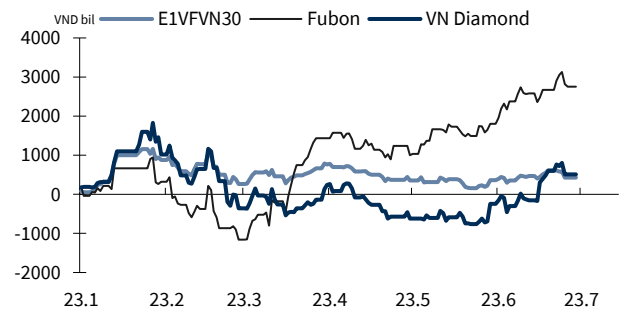
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

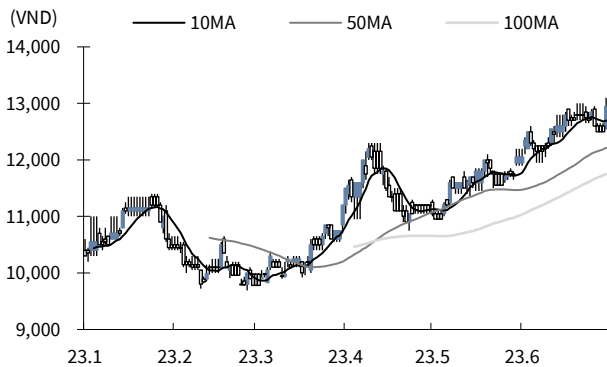
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)

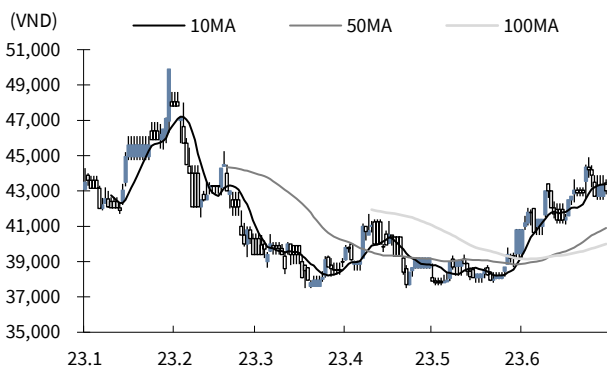


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB tăng 3.6% lên 12,950 VND/cp

- Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội vừa công bố Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18%. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền là ngày 25/07/2023. Sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức, vốn điều lệ của SHB sẽ tăng thêm hơn 5,520 tỷ đồng, lên mức 36,194 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Thế giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

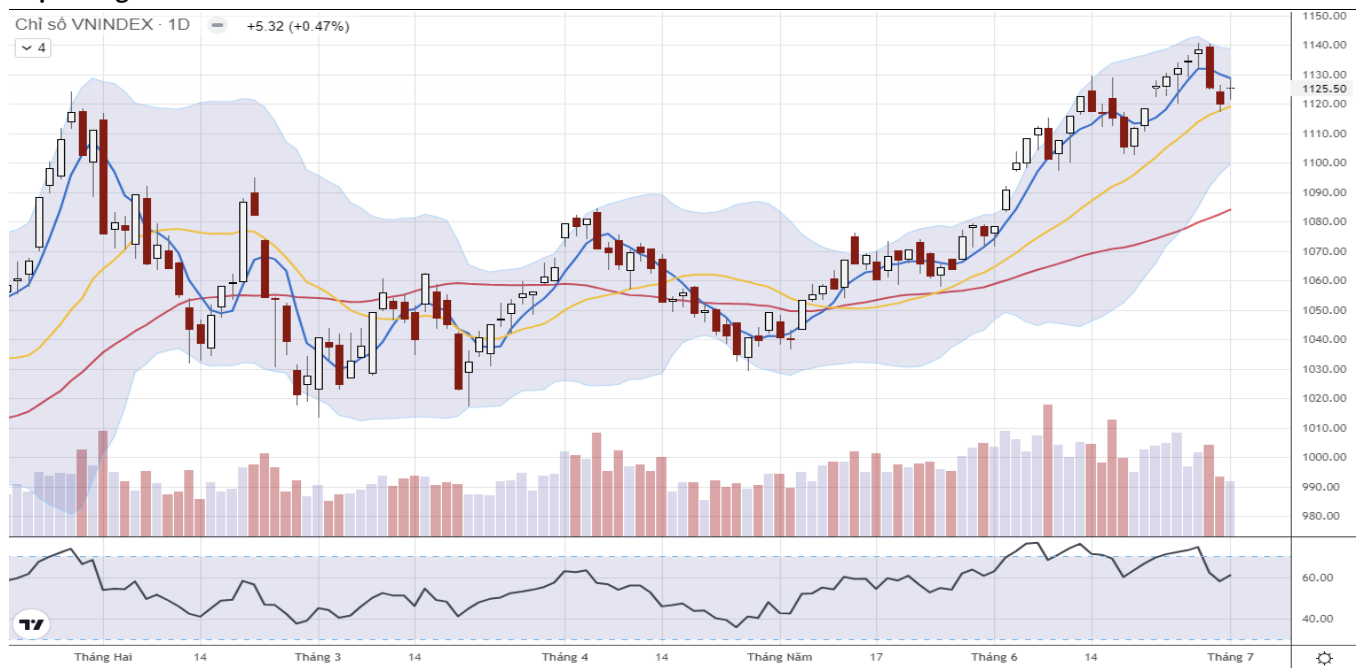
- MWG giảm -0.7% xuống 43,000 VND/cp

- Mới đây, Công ty cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động đã thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông. Theo đó, ngày 28/7 MWG sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỉ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu mỗi 1 cổ phiếu sẽ nhận về 500 đồng. Với số cổ phiếu lưu hành là 1.5 tỷ, dự kiến Thế Giới Di Động sẽ chi ra khoảng 730 tỷ đồng. Đây là mức chi trả cổ tức thấp nhất kể từ khi công ty này niêm yết lên sàn chứng khoán

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

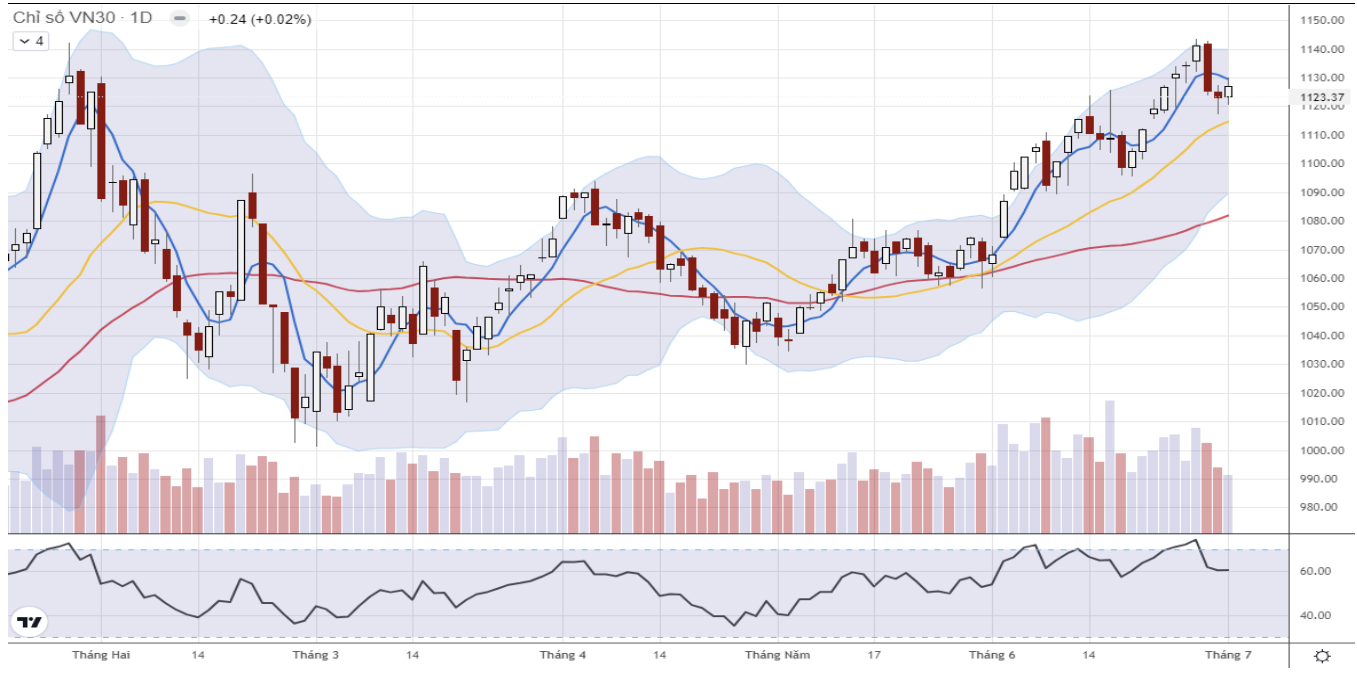
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



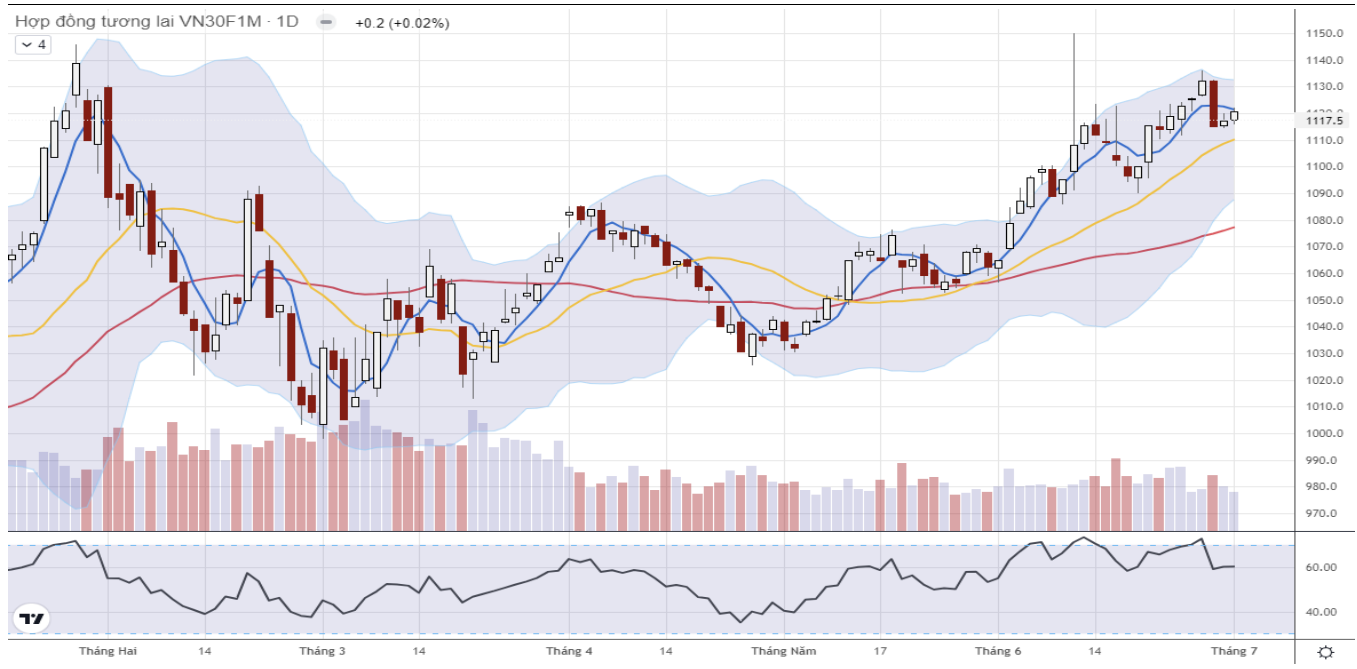
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex trải qua một nhịp rung lắc giằng co trước khi dần hồi phục về cuối phiên.
- Việc hình thành mẫu nến doji cùng thanh khoản sụt giảm trong phiên hôm nay không đem lại nhiều ý nghĩa về mặt xu hướng. Mặc dù xu hướng điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục và quay trở lại xu hướng tăng điểm của VNIndex vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần quanh 1115-1120.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1127 – 1130

Kháng cự gần: 1121 – 1123

Hỗ trợ gần: 1110 – 1115

Hỗ trợ xa: 1105 – 1107

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 trải qua một nhịp rung lắc giảm co và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Ngưỡng kháng cự gần quanh 1120-1123 đã cho phản ứng và khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù xu hướng điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục và quay trở lại xu hướng tăng điểm của F1 vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần quanh 1110-1115.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG tại hỗ trợ nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

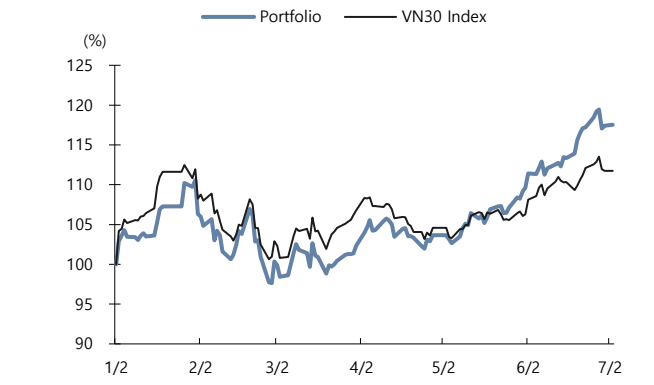
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 0.02% | 0.11% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 11.76% | 17.53% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 03/07/2023 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 43,000 | -0.7% | 11.3% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| SSI Securities (SSI) | 30/01/2023 | 25,700 | -0.4% | 22.7% | - Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022 |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 74,000 | -1.3% | 28.7% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Tien Phong Bank (TPB) | 11/11/2021 | 18,150 | 0.8% | 3.1% | - NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023 |
| Dabaco Group (DBC) | 30/01/2023 | 21,350 | 0.2% | 24.9% | - Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 86,400 | 0.5% | 256.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 29,250 | -0.8% | 54.7% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 94,000 | 1.1% | 28.1% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 26,200 | 0.2% | 135.3% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 29,800 | 1.5% | 190.0% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 0.2% | 25.5% | 120.9 |
| SSI | -0.4% | 43.4% | 65.4 |
| VHM | 1.6% | 24.2% | 62.5 |
| VHC | 6.9% | 30.6% | 47.8 |
| SHB | 3.6% | 6.3% | 8.8 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VPB | 0.0% | 17.0% | -35.7 |
| PNJ | -1.3% | 48.8% | -35.4 |
| KBC | 1.5% | 19.5% | -19.6 |
| POW | -0.8% | 7.8% | -19.3 |
| DGC | 0.0% | 14.8% | -14.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | 1.5% | 7.9% | 26.6 |
| PVS | 2.5% | 20.8% | 2.0 |
| VCS | -1.5% | 2.9% | 0.9 |
| SD9 | 8.5% | 2.1% | 0.7 |
| API | -9.2% | 0.2% | 0.6 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | -1.3% | 5.0% | -2.3 |
| BVS | 1.3% | 5.6% | -0.9 |
| NVB | -3.9% | 8.5% | -0.7 |
| PVI | -2.4% | 59.7% | -0.5 |
| PSW | 9.6% | 2.4% | -0.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Bao bì & đóng gói | 4.1% | TDP, SVI, MCP, TPC |
| Tập đoàn công nghiệp | 3.8% | REE, BCG, PET, EVG |
| Kim loại & khai thác | 3.5% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Giấy & lâm sản | 3.0% | DHC, HAP, HHP, VID |
| Dược | 2.6% | DHG, IMP, TRA, DBD |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Thương mại & phân phối | -4.5% | VPG, TSC, BTT, TNA |
| Xây dựng và kỹ thuật | -3.0% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế | -2.6% | TNH, JVC, VMD |
| Hàng dệt, may & hàng xa xỉ | -2.3% | PNJ, TCM, MSH, GIL |
| Tiện ích khí | -2.0% | GAS, PGD, PMG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Kim loại & khai thác | 22.2% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Dược | 16.5% | DHG, IMP, TRA, DBD |
| Hàng hải | 16.2% | VSC, VOS, SKG, VTO |
| Thiết bị điện | 15.2% | GEX, SAM, CAV, RAL |
| Bán lẻ hàng chuyên dụng | 12.7% | MWG, FRT, CTF, HAX |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Đồ uống | -2.7% | SAB, BHN, SMB, SCD |
| Hàng không dân dụng | -2.4% | VJC, HVN |
| Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí | -2.0% | AST, VNG, DSN, DAH |
| Tiện ích điện | -1.7% | PGV, NT2, PPC, TTA |
| Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế | -1.2% | TNH, JVC, VMD |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----|------------------|---------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 102,064 (4.3) | 22.5 | 68.9 | 63.0 | 14.7 | 2.5 | 2.7 | 1.7 | 1.7 | 0.2 | -2.1 | -1.7 | -5.0 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 93,631 (4.0) | 26.6 | 7.7 | 7.4 | 35.9 | 19.4 | 17.7 | 1.4 | 1.2 | 1.6 | 0.7 | 4.7 | 16.5 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 96,748 (4.1) | 17.8 | 15.6 | 14.0 | -7.6 | 11.0 | 11.9 | 1.7 | 1.6 | 0.7 | 1.1 | -0.4 | 2.7 |
| | NVL | NOVALAND INVESTM | 45,853 | 86,712 (3,768) | 577,795 (24.6) | 31.3 | - | - | 6.7 | -1.8 | -3.4 | 0.8 | 0.8 | -2.0 | -2.3 | 5.1 | 3.9 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 28,347 | 19,167 (833) | 77,216 (3.3) | 11.6 | 23.1 | 16.0 | 13.7 | 8.1 | 11.3 | 1.7 | 1.6 | -1.3 | -3.3 | 3.4 | 14.7 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 282,877 (12.0) | 13.9 | 43.8 | 34.1 | - | 2.3 | 2.9 | 1.0 | 0.9 | 0.3 | -5.7 | -1.7 | 16.9 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 90,356 (3.8) | 6.3 | 14.2 | 12.6 | 11.7 | 22.3 | 20.2 | 2.8 | 2.3 | 0.0 | 0.0 | 5.4 | 25.0 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 53,390 (2.3) | 12.7 | 12.5 | 9.3 | -5.3 | 20.3 | 20.6 | 2.0 | 1.6 | 2.7 | 0.5 | -0.4 | 15.3 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 139,979 (6.0) | 0.0 | 5.7 | 4.9 | 14.3 | 15.9 | 15.9 | 0.9 | 0.7 | -1.1 | -3.9 | -0.6 | 23.8 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 155,955 (6.6) | 1.4 | 8.7 | 7.3 | 50.3 | 16.1 | 17.5 | 1.1 | 1.0 | -0.8 | 0.0 | 2.1 | 7.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 15,296 | 101,381 (4,406) | 317,302 (13.5) | 0.0 | 9.6 | 7.0 | 18.8 | 11.6 | 14.0 | 1.1 | 1.0 | 0.0 | -2.0 | 0.0 | 10.9 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 16,173 | 73,327 (3,187) | 241,438 (10.3) | 0.0 | 4.8 | 4.1 | 14.6 | 23.5 | 22.1 | 1.0 | 0.8 | 0.0 | 0.0 | 2.5 | 18.1 |
| | HDB | HDBANK | 16,320 | 40,641 (1,766) | 43,292 (1.8) | 4.2 | 5.0 | 4.7 | 23.3 | 22.9 | 20.4 | 1.1 | 0.9 | -0.8 | -1.9 | -3.1 | 15.7 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 455,702 (19.4) | 14.0 | 7.9 | 4.6 | 26.5 | 18.9 | 24.8 | 1.2 | 1.0 | -0.3 | 0.3 | 4.9 | 32.0 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 14,821 | 28,732 (1,249) | 100,916 (4.3) | 0.0 | 4.8 | 4.2 | 37.4 | 20.0 | 19.6 | 1.0 | 0.8 | 0.8 | -1.6 | -3.9 | 20.0 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 15,417 | 22,745 (988) | 168,772 (7.2) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -3.1 | -2.4 | -2.8 | -11.6 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 43,233 (1.8) | 21.0 | 15.9 | 14.6 | 15.8 | 10.0 | 10.3 | 1.5 | 1.4 | 0.9 | -1.7 | 0.9 | -4.5 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 7,028 (0.3) | 14.2 | - | - | 9.1 | 13.7 | - | - | - | 0.8 | -2.2 | -3.2 | 11.2 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 512,625 (21.8) | 55.4 | 14.8 | 13.2 | -3.2 | 11.3 | 11.9 | 1.5 | 1.4 | -0.4 | -0.4 | 6.6 | 45.2 |
| | VCI | VIETCAP | 21,154 | 9,108 (396) | 187,960 (8.0) | 71.9 | 15.9 | 14.0 | -4.0 | 15.0 | 15.6 | 2.3 | 2.1 | 1.5 | -0.9 | 6.1 | 59.8 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 183,442 (7.8) | 52.4 | 17.3 | 15.8 | -19.0 | 10.3 | 10.2 | 1.7 | 1.6 | 0.2 | -1.1 | 2.9 | 41.0 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 639,696 (27.2) | 27.2 | 13.5 | 13.4 | 36.3 | 12.2 | 11.5 | 1.6 | 1.5 | -0.3 | -2.6 | 3.0 | 39.6 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 351,112 (14.9) | 42.1 | 16.6 | 15.3 | 4.0 | 28.9 | 31.1 | 4.5 | 4.4 | -0.4 | 0.1 | 7.3 | -7.1 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 21,777 (0.9) | 36.9 | 20.3 | 18.4 | 7.3 | 21.6 | 22.0 | 3.8 | 3.9 | 0.1 | -1.5 | -2.7 | -7.9 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 107,103 (4.6) | 16.5 | 32.0 | 16.0 | -51.9 | 8.0 | 12.9 | 3.8 | 2.9 | 0.3 | -3.0 | 4.3 | -18.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 19,830 (0.8) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -4.7 | 0.3 | -1.8 | -6.7 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 73,728 (3.1) | 11.0 | 81.6 | 44.3 | -88.5 | 5.9 | 11.2 | - | - | 0.1 | -0.4 | -2.5 | -13.8 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 41,634 (1.8) | 10.8 | 10.3 | 16.5 | -57.0 | 24.8 | 12.1 | 1.9 | 1.7 | 1.3 | 0.2 | 2.3 | 15.9 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 207,561 (8.8) | 38.4 | 14.8 | 12.1 | 65.7 | 2.4 | 3.8 | 0.9 | 0.9 | 1.6 | -2.6 | 1.6 | 43.4 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | #N/A (#N/A) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 429,406 (18.3) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | 0.0 | -5.4 | 13.2 | 56.0 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 44,225 (1.9) | 3.6 | 25.7 | 21.6 | -52.4 | 2.5 | 2.8 | - | - | 1.6 | 1.7 | 10.1 | 112.8 |
| | REE | REE | 45,066 | 18,419 (800) | 69,993 (3.0) | 0.0 | 11.4 | 10.9 | -4.5 | 15.9 | 15.3 | 1.6 | 1.5 | 0.0 | 4.3 | 6.2 | 4.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND triệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 62,370 (2.7) | 46.1 | 15.0 | 14.0 | -17.5 | 19.0 | 18.2 | 2.8 | 2.6 | 1.1 | -2.1 | 2.2 | -7.4 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 21,119 (0.9) | 31.4 | 11.7 | 9.9 | -10.5 | 14.4 | 19.8 | 1.9 | 1.9 | -0.7 | -7.0 | -9.7 | 2.9 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 4,925 (0.2) | 34.1 | 14.9 | 6.1 | -5.1 | 6.9 | 15.7 | - | - | 0.9 | 0.3 | 2.6 | 26.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 627,567 (26.7) | 18.0 | 17.9 | 12.1 | 21.9 | 9.2 | 11.7 | 1.5 | 1.3 | 0.2 | 4.0 | 21.3 | 45.6 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 102,164 (4.3) | 36.5 | 9.4 | 10.6 | -0.5 | 11.8 | 10.9 | 1.0 | 1.0 | 2.6 | 1.6 | 10.5 | -17.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 122,722 (5.2) | 46.5 | 11.9 | 8.8 | -4.5 | 11.6 | 15.8 | 1.4 | 1.3 | 3.2 | 1.3 | 10.3 | 2.8 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,314 | 11,063 (481) | 282,780 (12.0) | 38.9 | - | 14.4 | 67.9 | -0.7 | 6.7 | 1.0 | 0.9 | -0.3 | -3.2 | 9.0 | 46.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 58,768 (2.5) | 97.2 | 15.3 | 13.1 | 17.2 | 6.2 | 7.2 | - | - | 0.5 | -1.4 | -7.3 | 58.9 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 26,241 (1.1) | 4.6 | 15.4 | 14.9 | -51.0 | 12.9 | 11.9 | 1.9 | 1.8 | 0.8 | 0.3 | -1.6 | 18.8 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 128,852 (5.5) | 39.9 | 41.3 | 12.9 | -11.9 | 4.6 | 7.9 | 1.0 | 0.9 | 1.4 | 1.4 | 2.3 | 39.2 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 79,340 (3.4) | 35.9 | 8.3 | 7.2 | 2.2 | 14.8 | 15.0 | 1.1 | 1.0 | 0.2 | 8.7 | 9.4 | 5.5 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 160,708 (6.8) | 0.0 | 22.9 | 12.7 | 14.4 | 10.7 | 17.4 | 2.5 | 2.2 | -0.7 | -3.0 | 5.4 | 0.2 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 65,625 | 19,895 (865) | 63,874 (2.7) | 0.0 | 14.0 | 11.3 | 2.4 | 20.3 | 22.6 | 2.5 | 2.2 | -1.3 | -3.1 | 1.4 | -17.7 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 1,709 (0.1) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 0.4 | 15.7 | 57.1 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 16,348 | 2,227 (097) | 74,058 (3.1) | 30.3 | 85.6 | 23.8 | -75.2 | 4.7 | 16.3 | 4.3 | 3.6 | -0.6 | 3.2 | 24.1 | 18.7 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 32,439 (1.4) | 34.6 | 10.9 | 10.9 | 41.2 | 17.6 | 15.8 | 1.8 | 1.6 | 2.2 | -0.6 | 1.2 | 20.3 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 5,591 (0.2) | 45.4 | 14.1 | 13.0 | 10.7 | 25.6 | 24.6 | 3.6 | 3.0 | 4.1 | 3.7 | 19.5 | 57.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 56,667 | 61,301 (2,664) | 77,562 (3.3) | 0.0 | 16.0 | 13.2 | 15.5 | 27.5 | 28.0 | 3.9 | 3.3 | 0.5 | 0.7 | 3.1 | 12.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.